

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1785**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **07** tháng **4** năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

*Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030;*

*Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung;*

*Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;*

*Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;*

*Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;*

*Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;*

*Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;*

*Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;*

*Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị.*

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Hoàn thiện xây dựng Chính quyền số hoạt động dựa trên nền tảng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao. Kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu. Xã hội số phát triển văn minh, an toàn, bao trùm. Phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế

số và xã hội số, trong đó nền tảng số tập trung, thống nhất, hiện đại, người dân là trung tâm, doanh nghiệp là động lực và công nghệ là phương tiện.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

Thực hiện chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá, tạo động lực phát triển nhanh, bền vững trên tất cả các lĩnh vực của tỉnh Quảng Trị. Các chỉ tiêu, nội dung đáp ứng với các chỉ tiêu, nội dung của các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số quốc gia. Phân đầu đạt các nhóm chỉ tiêu sau:

### **2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động**

#### **a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh**

Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được bao gồm:

\* Giai đoạn năm 2026-2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

\* Giai đoạn 2028-2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Tối thiểu 80% thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử

dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được bao gồm:

\* Giai đoạn năm 2026- 2027

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

\* Giai đoạn năm 2028 -2030

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng hoàn thành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

-100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- Có ít nhất 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

## **2.2 Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế**

Phát triển kinh tế số để tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới mô hình kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế phù hợp với điều kiện của tỉnh Quảng Trị. Phân đầu đạt được các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tăng trưởng đến năm 2030:

+ Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP;

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;

+ Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

- Phát triển doanh nghiệp số:

+ Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

+ Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Make in Vietnam, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang thiết kế, sáng tạo sản phẩm và dịch vụ số.

- Phát triển dữ liệu số - yếu tố sản xuất mới:

+ Phát triển các bộ dữ liệu mở chất lượng cao để công bố trên Cổng dữ liệu mở quốc gia và Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

+ Phát triển và đưa vào sử dụng sàn giao dịch dữ liệu; thúc đẩy thị trường dữ liệu và các mô hình kinh tế dữ liệu mới.

- Thúc đẩy thanh toán số, phổ cập thanh toán số toàn diện cho người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, du lịch, thương mại, công nghiệp...

## **2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số**

Phát triển xã hội số nhằm tạo lập môi trường làm việc, học tập, tương tác bảo đảm tổ chức, cá nhân được tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng lợi ích từ chuyển đổi số một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả trên môi trường số.

- Chỉ tiêu tăng trưởng đến năm 2030:

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%;

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%;

+ Tỷ lệ người dân đủ điều kiện có Số sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID đạt tối thiểu 95%.

+ Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%;

+ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 95% dân số;

+ Tỷ lệ sử dụng IPv6 toàn tỉnh đạt 90%-100%.

+ 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

- Bảo đảm mọi đối tượng người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ số.

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia vào giao dịch điện tử, dịch vụ số.

- Thúc đẩy hành vi và văn hóa ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số.

### **III. NHIỆM VỤ**

#### **1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số**

- Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác. Duy trì chế độ họp, giao ban Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ để đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chuyển đổi số. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề về kết quả chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, giám sát việc triển khai các kế hoạch chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số với cải cách hành chính và đánh giá thi đua - khen thưởng, đưa kết quả triển khai chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình.

#### **2. Thể chế, chính sách số**

Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để chuyển đổi số được triển khai hiệu quả, thống nhất, đồng bộ và bền vững. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số để kịp thời điều chỉnh các văn bản và ban hành các văn bản liên quan đến Luật Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; nghiên cứu, đề xuất (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) liên quan đến Luật Chuyển đổi số.

- Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI cấp tỉnh) và tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng các quy định cho phép thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với các mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới liên quan đến chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị khi chưa có quy định pháp lý rõ ràng.

- Tổ chức hướng dẫn triển khai, thực hiện các quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động chuyển đổi số. Xây dựng, hoàn thiện, triển khai định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số. Ban hành các chính sách ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT), thuê hạ tầng đám mây thay vì đầu tư mua sắm phần cứng, giúp linh hoạt và tối ưu chi phí. Xây dựng, công bố danh mục các dự án trọng điểm để thu hút nguồn lực đầu tư ứng dụng chuyển đổi số tại tỉnh.

- Thực thi chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số, khuyến khích người có chuyên môn CNTT, an toàn thông tin, dữ liệu số làm việc tại các cơ quan nhà nước; xem xét chế độ phụ cấp, ưu tiên trong tuyển dụng, thăng hạng, đánh giá thi đua.

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ làm công tác thể chế, chính sách, đảm bảo kịp thời nắm bắt các quy định mới của Chính phủ, Bộ KH&CN. Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng các văn bản, chính sách về chuyển đổi số để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi và đồng thuận cao.

### **3. Hạ tầng số**

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, vận hành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên toàn tỉnh, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện: Thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 – 2030". Đạt tỷ lệ 90-100% sử dụng IPv6 vào năm 2030.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng: Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng để sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Phát triển mạng thông tin di động 5G, 6G: Tiếp tục phát triển và phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch vào cuối năm 2026. Đến năm 2030, tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt trên 95% dân số, Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng số kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực. Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây của tỉnh. Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin của Tỉnh lên các nền tảng điện toán đám mây đạt chuẩn của doanh nghiệp trong nước, hạn chế tối đa việc đầu tư phòng máy chủ nhỏ lẻ tại đơn vị.

- Duy trì, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh với quy mô đủ lớn, đáp ứng khả năng xử lý, lưu trữ, khai thác và bảo đảm an toàn thông tin. Từng bước mở rộng hệ thống điện toán đám mây dùng chung, triển khai lưu trữ, xử lý dữ liệu và vận hành phần mềm quản lý hành chính trên môi trường cloud. Phát triển hệ thống truyền thanh thông minh tại 100% xã, phường, đặc khu, kết nối Internet phục vụ tuyên truyền, cảnh báo thiên tai, an toàn thông tin, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự. Từng bước hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, gắn với mục tiêu phát triển đô thị thông minh, quản lý tài nguyên – môi trường, quan trắc khí tượng – thủy văn và cảnh báo thiên tai.

- Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh, trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

- Nâng cao năng lực vận hành, giám sát và bảo trì hạ tầng số. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT, vận hành hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện kiểm tra, bảo trì, giám sát định kỳ các hệ thống hạ tầng để bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục.

- Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng hạ tầng số trên địa bàn tỉnh đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án trọng điểm, gồm: Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), trung

tâm dữ liệu, điện toán đám mây, mạng truyền số liệu chuyên dùng, trung tâm IOC, trung tâm an ninh mạng của tỉnh và hệ thống truyền thanh thông minh. Đồng thời, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức tài chính, chương trình hợp tác quốc tế để bổ sung đầu tư hạ tầng số của tỉnh.

#### **4. Nhân lực số**

- Phát triển nhân lực số toàn diện trên toàn tỉnh. Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị. Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); trong đó tối thiểu 30% được đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng mạng lưới giảng viên, chuyên gia nguồn cấp tỉnh đảm nhiệm việc hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, hình thành lực lượng nòng cốt trong các lĩnh vực dữ liệu, an toàn thông tin, thống kê, truyền thông số.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì và phát triển Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xã, phường, đặc khu, nhưng chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong việc hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số như: giao dịch trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số cơ bản.

- Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyển đổi số giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với các Tập đoàn (VNPT, Viettel, FPT...) để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến về chuyển đổi số.

- Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị – xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

- Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia trình độ cao về chuyển đổi số làm việc trên địa bàn tỉnh. Đưa tiêu chí nhiệm vụ chuyển đổi số vào đánh giá thi đua cán bộ, công chức, viên chức.

#### **5. Phát triển dữ liệu số**

- Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành các nền tảng số, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh; Kế hoạch triển khai chiến lược dữ liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

- Rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, y tế, giáo dục, nông nghiệp và môi trường, doanh nghiệp...

- Hoàn thiện, mở rộng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh; tăng tỷ lệ dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ qua nền tảng LGSP. Duy trì và nâng cấp hạ tầng lưu trữ, phân tích dữ liệu tại Trung tâm IOC tỉnh; kết nối LGSP tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), bảo đảm kết nối hai chiều, an toàn, thông suốt thống nhất theo Khung kiến trúc Chính quyền số.

- Phát triển, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu. Thực hiện chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm nguyên tắc “dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống”. Tiếp tục triển khai các hoạt động làm sạch dữ liệu dân cư, đất đai, giáo dục, y tế, phục vụ tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách. Tổ chức cập nhật định kỳ dữ liệu địa lý, tài nguyên, quy hoạch, hạ tầng, dân cư và kinh tế.

- Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, gồm các lĩnh vực: hành chính, đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, lao động - xã hội, nông nghiệp, môi trường, văn hóa, tôn giáo, công nghiệp - thương mại, an ninh - phòng cháy chữa cháy, quy hoạch, hạ tầng, dân cư... Tăng cường bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện phân quyền truy cập, giám sát, sao lưu, phòng ngừa rò rỉ và tấn công mạng; gắn kết quản trị dữ liệu với an ninh mạng tỉnh.

- Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới.

## **6. An toàn thông tin mạng**

- Xây dựng, đưa vào vận hành trung tâm an ninh mạng của tỉnh. Triển khai việc kiểm tra, dán tem an toàn thông tin các trang thiết bị, viễn thông, công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước trước khi đưa vào sử dụng.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Tổ chức diễn tập thực chiến, ứng cứu sự cố an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn xây dựng Hồ sơ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cho 100% hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

- Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch kiểm tra bảo vệ bí mật Nhà nước, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

## 7. Chính quyền số

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất, tập trung trên Cổng dịch vụ công quốc gia; điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số; ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo để phát triển các nền tảng, công cụ hỗ trợ (trợ lý ảo, ...). Tập trung vào các nội dung:

- Tiếp tục phát triển Chính quyền số đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, hướng tới chính quyền hai cấp hoạt động hoàn toàn trên môi trường điện tử, phục vụ người dân và doanh nghiệp nhanh hơn, minh bạch hơn. Triển khai "Trợ lý ảo" cho cán bộ, công chức để hỗ trợ tra cứu văn bản pháp luật, tìm kiếm thông tin, hỗ trợ ra quyết định. Ứng dụng AI trong hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính, phân tích dữ liệu điều hành, cảnh báo hồ sơ trễ hạn và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các hệ thống thông tin phải tuân thủ Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị và Khung kiến trúc tổng thể Quốc gia số.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, mở rộng dịch vụ toàn trình, phấn đấu 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tích hợp định danh điện tử (VNeID), thanh toán điện tử, nâng cao trải nghiệm người dân, doanh nghiệp. 100% cơ quan hành chính nhà nước sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số chuyên dùng công vụ trong xử lý công việc.

- Tiếp tục triển khai và mở rộng nền tảng ứng dụng Công dân số tỉnh Quảng Trị (QUANGTRI-S), tạo kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền trên thiết bị di động thông minh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển xã hội số của tỉnh.

- Đối với cấp xã, tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống số của tỉnh như Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống báo cáo điều hành, hội nghị trực tuyến, phần mềm phản ánh hiện trường, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh điện tử VNeID; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ, thanh toán điện tử, tra cứu kết quả trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc. Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ, tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số thiết yếu. 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp xã xử lý công việc trên môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số công vụ. Các hệ thống nền tảng số của tỉnh vận hành ổn định, an toàn, kết nối thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

## 8. Kinh tế số và xã hội số

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học và công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển nền tảng thương mại điện tử tỉnh, khuyến khích hộ sản xuất

nông nghiệp, sản phẩm OCOP tham gia sàn buudien.vn. Hợp tác với VNPT, Viettel, FPT... triển khai chương trình “Doanh nghiệp số địa phương”. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Doanh nghiệp số”, “Hợp tác xã số”. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nền tảng điện toán đám mây, chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử. Phát triển các khu, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc điện tử.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch... như: Phát triển hệ thống y tế thông minh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; Phát triển Giáo dục thông minh, xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; công nghệ số nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” đến 100% thôn, bản, khu phố; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân. Khuyến khích các trường học, trung tâm giáo dục, đoàn thể mở chuyên đề “Công dân số”, “Gia đình số”. Đẩy mạnh truyền thông chuyển đổi số qua đài truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo, Facebook...

### **9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng số, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về ý nghĩa, vai trò của chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị; tổ chức các sự kiện, hội thảo, tọa đàm, triển lãm, diễn đàn, chuyên mục, bản tin chuyên đề nhằm lan tỏa tinh thần chuyển đổi số đến toàn xã hội.

- Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ kỹ năng số, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông trong tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, địa phương, hệ thống truyền thanh cơ sở... tiếp tục duy trì chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số, đăng tải tin, bài, video tuyên truyền về hoạt động, mô hình, điển hình tiên tiến, hiệu quả của

chuyển đổi số trên địa bàn. Khuyến khích ứng dụng mạng xã hội, nền tảng số mới (Zalo, Facebook, YouTube...) để truyền thông hai chiều giữa chính quyền và người dân. Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế tham gia chia sẻ về chuyển đổi số.

- Phối hợp Tập đoàn Viettel, VNPT, FPT và các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ tổ chức các chiến dịch truyền thông, chương trình đào tạo kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân. Tăng cường tuyên truyền về bảo đảm an toàn thông tin mạng, nâng cao ý thức bảo mật dữ liệu cá nhân, nhận diện rủi ro tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến.

#### **IV. GIẢI PHÁP**

##### **1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số**

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xác định rõ người đứng đầu chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, xã, phường, đặc khu trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số với cải cách hành chính, phát triển chính quyền số và xây dựng chính quyền phục vụ.

- Ban hành các chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chỉ đạo, kèm cơ chế giám sát, đánh giá kết quả triển khai. Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, sơ kết, tổng kết công tác chuyển đổi số, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt.

##### **2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp**

- Xây dựng các chương trình, chuyên mục truyền thông về chuyển đổi số trên Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử tỉnh, mạng xã hội. Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Chuyển đổi số, các tọa đàm, diễn đàn, hội thi, cuộc thi sáng tạo về chuyển đổi số; phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn”.

- Lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số vào các phong trào, hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, định danh điện tử, thanh toán không tiền mặt. Tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn thực hành cụ thể, tránh hình thức, đảm bảo người học áp dụng được trong công việc. Phối hợp các doanh nghiệp công nghệ (VNPT, Viettel, FPT) triển khai các khóa học trực tuyến, nội dung tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

### **3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyên đổi số**

- Rà soát, triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyên đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước theo các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền; ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các xã, phường, đặc khu.

- Tổ chức bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ, chú trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng hỗ trợ người dân, kỹ năng vận hành hệ thống thông tin và đảm bảo an toàn mạng.

- Có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với công chức, viên chức có sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong công việc.

- Hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức chuyên môn để tổ chức các khóa học, hội thảo, thực hành kỹ năng chuyên đổi số. Khuyến khích thanh niên, sinh viên công nghệ, đội ngũ trẻ tham gia hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh.

### **4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ mô hình, giải pháp công nghệ số với các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đưa các kết quả nghiên cứu, mô hình thí điểm chuyên đổi số vào ứng dụng thực tế, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ động nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ số có tính khả thi cao, chi phí hợp lý như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT) vào các hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số địa phương nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ chuyên đổi số của tỉnh. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống hạ tầng và nền tảng số để đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ quan, đơn vị.

### **5. Đảm bảo nguồn lực tài chính**

- Bố trí nguồn lực tài chính hợp lý từ ngân sách trung ương, tỉnh, các nguồn vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu và các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả, minh bạch, đúng mục đích

- Ưu tiên vốn cho các dự án, nhiệm vụ trọng điểm như: Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh, Công Dịch vụ công, LGSP, trung tâm IOC, trung tâm an ninh mạng, hệ thống truyền thanh thông minh, CSDL chuyên ngành. Huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) để đầu tư phát triển hạ tầng số, dữ liệu, nhân lực và an toàn thông tin.

### **6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế**

- Duy trì, mở rộng hợp tác chiến lược với các tập đoàn công nghệ trong nước (Viettel, VNPT, FPT, CMC, MobiFone...) về đào tạo nhân lực, phát triển hạ tầng, nền tảng, dữ liệu và an toàn thông tin. Tăng cường hợp tác nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế, tham gia các chương trình, hội nghị, hội thảo, sáng kiến về chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin.

- Tổ chức các đoàn công tác, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm giữa tỉnh Quảng Trị và các địa phương điển hình về chuyển đổi số để học tập, nhân rộng mô hình phù hợp. Huy động chuyên gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học hỗ trợ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới.

- Khuyến khích, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm thu hút, hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn công nghiệp về công nghệ đầu tư, xây dựng các dự án và sản xuất các sản phẩm công nghệ số tiên tiến, hiện đại trên địa bàn tỉnh.

- Quảng bá hình ảnh Chính quyền số Quảng Trị thân thiện, hiệu quả, minh bạch, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số hợp tác, đầu tư, phát triển dịch vụ số và sản xuất các sản phẩm công nghệ số tiên tiến, hiện đại trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ số trong nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh; hình thành các không gian thử nghiệm, ứng dụng (sandbox) để thử nghiệm các mô hình, giải pháp công nghệ số mới; ưu tiên nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ số chiến lược như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn; gắn kết đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số với nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thực tiễn tại địa phương.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số.

Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

### **2. Công an tỉnh**

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giám sát, rà soát, phát hiện, hướng dẫn, xử lý kịp thời các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật tại các hệ thống thông tin đồng thời tham mưu triển khai đồng bộ các giải pháp bảo

đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường số trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan tổng hợp dự toán kinh phí do các cơ quan, đơn vị đề xuất, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

### **4. Văn phòng UBND tỉnh**

Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

### **5. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT, an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của tỉnh; phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính.

### **6. Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào nội dung tại Kế hoạch này và yêu cầu, điều kiện thực tiễn để ban hành, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm, giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị, địa phương; sắp xếp, bố trí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, hỗ trợ nguồn vốn, kinh phí để triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số”, “ngành số”, “địa phương số” tại cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổ chức tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của cơ quan, ngành, địa phương trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên

quan trọng quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

### **7. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông**

Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel nghiên cứu, thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến của DVCTT và đề xuất triển khai cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc phù hợp trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo Đề án 468 của Chính phủ.

Các doanh nghiệp viễn thông, internet trên địa bàn tiếp tục phát triển, bảo đảm hạ tầng kết nối internet băng rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đáp ứng nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong ứng dụng công nghệ số, sử dụng DVCTT, dịch vụ đô thị thông minh; tích cực tham gia các hoạt động phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**

Danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án chuyên đổi số triển khai, thực hiện giai đoạn 2026-2030: *theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.*

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị;
- Các doanh nghiệp BC, VT trên địa bàn tỉnh;
- Chánh VP. Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**

PHỤ LỤC

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ  
TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Kế hoạch số **1785**/KH-UBND ngày **07/4**/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)



STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số</b>			
1.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức	Các sở, ban, ngành, địa phương		2026-2030
2.	Phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về chuyển đổi số trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	Các sở, ban, ngành, địa phương		2026-2030
3.	Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công chuyển đổi số toàn diện	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
4.	Tuyên truyền, phổ biến, triển khai quy chế văn hóa số cộng đồng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số của cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		2026-2030
<b>II</b>	<b>Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, chính sách số</b>			
5.	Rà soát, tham mưu, xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số			
6.	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước bảo đảm thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển đổi số. Bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp ở các vị trí việc làm.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
7.	Xây dựng, hoàn thiện, triển khai định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật các cơ sở dữ liệu quốc gia thành phần, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026
8.	Xây dựng, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu; Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước (sửa đổi); Luật An ninh mạng trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026 và thường xuyên
9.	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; rà soát, thực hiện phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
10.	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
			Công nghệ	
11.	Đẩy mạnh tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
12.	Xây dựng, công bố danh mục các khu vực, lĩnh vực có tiềm năng để thu hút, đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh	Sở Tài chính	Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
13.	Tham mưu tỷ lệ chi ngân sách, bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số theo kế hoạch đề ra và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; Xây dựng chương trình đầu tư công về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
<b>III</b>	<b>Hoàn thiện Hạ tầng số</b>			
14.	Tham mưu quy hoạch, kế hoạch tổng thể đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại cho từng giai đoạn 5 năm, thời kỳ 10 năm, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng; lồng ghép quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026 và thường xuyên
15.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND	Quý I 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
			cấp xã	
16.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi Ipv6 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030 theo Quyết định số 3369/QĐ-BKHCN ngày 27/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II 2026
17.	Phát triển hạ tầng số toàn diện đáp ứng kết nối an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh. Các nền tảng số dùng chung phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.	Các doanh nghiệp viễn thông, internet	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
18.	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Ban QL Khu kinh tế; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026-2030
19.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được Trung ương ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
20.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06 đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin trong kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026-2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
21.	Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, toàn diện tại các địa phương, phục vụ có hiệu quả nhất cho người dân.	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	2026-2030
22.	Xây dựng phòng học thông minh, trong đó: - Năm học 2025 - 2026: Xây dựng mỗi cấp học có ít nhất 01 trường học có 01 phòng học thông minh; - Từ giai đoạn 2026 - 2030: Xây dựng được 01 xã, phường, đặc khu có 01 phòng học thông minh; Năm 2030, phần đầu toàn tỉnh có ít nhất 01 trường học/cấp học đạt tiêu chuẩn trường học thông minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	2026 – 2030
23.	Mua sắm máy vi tính: Trang bị máy vi tính cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học (Mức độ 2) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm
24.	Cầu truyền hình trực tuyến ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	2026 - 2030
25.	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ phối hợp	2026 - 2030
26.	Dịch chuyển hạ tầng Hệ thống chứng thực điện tử đang triển khai vận hành tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	2027 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		chính công tỉnh)		
<b>IV</b>	<b>Phát triển nhân lực số</b>			
27.	Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức: Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trước 31/12/2026 và thường xuyên
28.	Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, huy động sự tham gia của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến.	UBND cấp xã	Tỉnh Đoàn, Hội LH Phụ nữ tỉnh, Sở KH&CN, Sở GD&ĐT	Trước 31/12/2026 và thường xuyên
29.	Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức: Tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành các hệ thống Cổng và các Trang thành phần; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh; Phân hệ theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026 và thường xuyên
30.	Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn chuyển đổi số theo yêu cầu Trung ương: Cử cán bộ tham dự các lớp nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở KH&CN	Theo kế hoạch của Trung ương
31.	Nâng cấp Trang Thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật Quảng Trị	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
32.	Triển khai thực hiện phát triển nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
33.	Rà soát, triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi	Sở Nội vụ	Các sở, ban,	Năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước theo các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền; ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các xã, phường, đặc khu.		ngành, địa phương	và thường xuyên
<b>V</b>	<b>Phát triển dữ liệu số</b>			
34.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026
35.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định danh mục nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Trị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý II 2026
36.	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.	Các sở, ban, ngành, đơn vị được giao quản trị, vận hành nền tảng số, CSDL dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II 2026 và thường xuyên
37.	Ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu mở và Từ điển dữ liệu dùng chung của tỉnh theo định hướng của Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý IV 2026
38.	Xây dựng, triển khai đề án, kế hoạch ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất, thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp	2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
			viễn thông, internet, CNTT	
39.	Xây dựng và hoàn thiện các dịch vụ số, dữ liệu số, điều hành thông minh ở địa phương đảm bảo kết nối đồng bộ, liên thông và an toàn thông tin.	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh.	2026 - 2030
40.	Xây dựng, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia thành phần, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, lĩnh vực của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2028
41.1	Cơ sở dữ liệu kinh tế công nghiệp và thương mại	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	
41.2	Cơ sở dữ liệu Địa chỉ số Quốc gia	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.3	Cơ sở dữ liệu định danh điện tử tổ chức	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.4	Cơ sở dữ liệu Căn cước	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.5	Cơ sở dữ liệu về cư trú	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.6	Cơ sở dữ liệu Điều tra hình sự	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.7	Cơ sở dữ liệu dùng chung về con dấu và kinh doanh có điều	Công an tỉnh	Các đơn vị	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	kiện		liên quan	
41.8	Cơ sở dữ liệu Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.9	Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xuất nhập cảnh	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.10	Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.11	Cơ sở dữ liệu về phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.12	Cơ sở dữ liệu Xử lý vi phạm hành chính trong CAND	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.13	Cơ sở dữ liệu Đăng ký phương tiện	Công an tỉnh	Các đơn vị liên quan	
41.14	Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.15	Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.16	Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.17	Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.18	Cơ sở dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.19	Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị	Sở Xây dựng	Các đơn vị	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
			liên quan	
41.20	Cơ sở dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.21	Cơ sở dữ liệu về Phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	
41.22	Cơ sở dữ liệu về khu công nghiệp, khu kinh tế	Sở Tài chính	Ban Quản lý Khu kinh tế	
41.23	Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.24	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.25	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.26	Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch (thành phần)	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.27	Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.28	Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	
41.29	Cơ sở dữ liệu giá địa phương	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	2026
41.30	Cơ sở dữ liệu quản lý tài sản công tập trung của tỉnh	Sở Tài chính	Các đơn vị liên quan	2026-2030
41.31	Cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và	Các đơn vị	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Công nghệ	liên quan	
41.32	Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Mầm non - Phổ thông - Thường xuyên - Nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan	
41.33	Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.34	Cơ sở dữ liệu về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.35	Cơ sở dữ liệu về Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.36	Cơ sở dữ liệu người lao động	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.37	Cơ sở dữ liệu Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.38	Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.39	Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.40	Cơ sở dữ liệu tai nạn lao động	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.41	Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.42	Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	
41.43	Kho dữ liệu Y tỉnh Quảng Trị và hệ thống điều phối thông tin	Sở Y tế	Các đơn vị	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	Y tế		liên quan	
41.44	Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.45	Cơ sở dữ liệu thành phần nghề cá quốc gia (Vnfishbase)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.46	Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.47	Cơ sở dữ liệu về giống cây trồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.48	Cơ sở dữ liệu về trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.49	Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.50	Cơ sở dữ liệu môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.51	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia (thành phần)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.52	Cơ sở dữ liệu về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.53	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai (thành phần)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	
41.54	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (thành phần)	Sở Tư pháp	Các đơn vị liên quan	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
41.55	Cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	Các đơn vị liên quan	
41.56	Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Các đơn vị liên quan	
41.57	Cơ sở dữ liệu Thành tích thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.58	Cơ sở dữ liệu Sản phẩm quảng cáo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.59	Cơ sở dữ liệu Phòng chống bạo lực gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.60	Cơ sở dữ liệu Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.61	Cơ sở dữ liệu Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.62	Cơ sở dữ liệu Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	
41.63	Cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các đơn vị liên quan	
41.64	Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các đơn vị liên quan	
41.65	Cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các đơn vị liên quan	
41.66	Cơ sở dữ liệu về kết quả khoa học, công nghệ lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các đơn vị liên quan	

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
41.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhằm duy trì quản trị, vận hành, triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	VP UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
42.	Xây dựng Hệ thống tra cứu Văn bản đi/đến của các đơn vị, địa phương trong tỉnh Quảng Trị (bao gồm tra cứu văn bản của tỉnh Quảng Trị cũ và tỉnh Quảng Bình cũ)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
43.	Số hóa tài liệu lưu trữ cấp huyện, cấp tỉnh trước khi sáp nhập tại Lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
44.	Số hóa tài liệu một số lĩnh vực quan trọng ngành giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Các đơn vị liên quan, UBND cấp xã	2026 - 2030
45.	Cơ sở dữ liệu quản lý tài sản, thiết bị dạy học của ngành giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm
46.	Cơ sở dữ liệu quản lý thanh toán không dùng tiền mặt các đơn vị trường học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm
47.	Số hoá, chuẩn hoá Cơ sở dữ liệu Quy hoạch đô thị và nông thôn; CSDL dự án, công trình	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
48.	Cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học toàn Tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
49.	Cơ sở dữ liệu về Di sản thế giới VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Ban quản lý VQG	Các đơn vị	2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Phong Nha – Kẻ Bàng	liên quan	
50.	Cơ sở Dữ liệu về Di tích quốc gia cấp đặc biệt Phong Nha – Kẻ Bàng	Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
51.	Cơ sở dữ liệu về Di sản xuyên biên giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng/ Hin Nậm Nô	Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Các đơn vị liên quan	2027 - 2030
52.	Cơ sở dữ liệu về Khu Dự trữ sinh quyển Phong Nha – Kẻ Bàng	Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Các đơn vị liên quan	2027 - 2030
53.	Số hóa các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh được giao cho BQL Vườn quản lý, sử dụng	Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
54.	Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
<b>VI</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>			
55.	Xây dựng, nâng cấp trung tâm an ninh mạng của tỉnh bảo đảm việc kết nối, giám sát trên diện rộng tại các hệ thống thông tin quan trọng của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026-2027 và thường xuyên

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
56.	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; tổ chức diễn tập thực chiến về ATTT mạng; điều phối hoạt động ứng cứu sự cố ATTT mạng trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	Năm 2026 và thường xuyên
57.	Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng; xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026 và thường xuyên
58.	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật: Triển khai các giải pháp, phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở KH&CN; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên
59.	Lập kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số theo hướng dẫn của Trung ương	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; doanh nghiệp viễn thông, CNTT	Hàng năm
<b>VII</b>	<b>Chính quyền số</b>			

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
60.	Sử dụng hiệu quả ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	Thường xuyên
61.	Phát triển các nền tảng, ứng dụng chuyên ngành đặc thù của tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2030
62.	Duy trì kết nối liên thông dữ liệu chỉ đạo, điều hành giữa các cấp: Bảo đảm dữ liệu vận hành từ cấp tỉnh đến cấp xã được liên thông theo thời gian thực.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	2026 - 2030
63.	Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2030
64.	Xây dựng, triển khai Nền tảng quản lý thiết bị camera, IoT dùng chung của tỉnh có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh; tổ chức kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ camera, IoT các sở, ban, ngành, địa phương hiệu quả, hợp lý.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2027 và nâng cấp, mở rộng thường xuyên
65.	Tích hợp, kết nối, khai thác tập trung dữ liệu camera giám sát an toàn giao thông và camera giám sát an ninh trật tự trên địa	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ;	2026 - 2027 và nâng cấp,

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	bàn tỉnh thông qua Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh; tổ chức kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu hệ thống camera của Công an tỉnh với Trung tâm IOC của tỉnh và các địa phương.		UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	mở rộng thường xuyên
66.	Xây dựng, triển khai ứng dụng Nền tảng quản lý và giám sát thông tin không gian địa lý trực tuyến phục vụ các lĩnh vực Xây dựng và Quản lý đô thị; Kế hoạch đầu tư; Nông nghiệp	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2027 và nâng cấp, mở rộng thường xuyên
67.	Thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp liên quan	2026 - 2030
68.	Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Cổng DVC Quốc gia, Hệ thống điều phối TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2027
69.	Triển khai dịch vụ tích hợp nền tảng trợ lý ảo (AI) hỗ trợ cán bộ, người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2027 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
70.	Triển khai ứng dụng kết quả Đề tài khoa học phục vụ người dân, doanh nghiệp lấy số trực tuyến và đăng ký nhận kết quả TTHC tại nhà.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2030
71.	Triển khai dịch vụ tin nhắn (SMS Brandname) phục vụ thông báo, tra cứu và hỗ trợ giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2030
72.	Nâng cấp Cổng TTĐT và các Trang TTĐT thành phần của sở ngành, cấp xã đáp ứng yêu cầu liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Cổng TTĐT Chính phủ và nền tảng mạng xã hội để đảm bảo thông tin chính thống và thống nhất; ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ tương tác người dùng.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2027
73.	Nâng cấp các chức năng, tính năng của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để tích hợp: + Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao để phục vụ tốt công tác xử lý, chỉ đạo điều hành của tỉnh và cấp xã; + Liên thông, tích hợp hệ thống Theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ giao. + Liên thông, tích hợp hệ thống Giải quyết thủ tục hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	chính của các bộ ngành.			
74.	Xây dựng, nâng cấp Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử bao gồm Kho lưu trữ số tại lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
75.	Xây dựng hệ thống Phần mềm Phổ cập giáo dục ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Tháng 6/2026
76.	Đầu tư, nâng cấp, CSDL chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị được tích hợp, chia sẻ IOC tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Tháng 12/2026
77.	Nâng cấp hệ thống Phần mềm Thi tuyển sinh lớp 10 và Hệ thống tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Tháng 5/2026 đối với tuyển sinh lớp 10, các cấp học khác 2027-2030
78.	Trang cấp tài khoản trên Hệ thống LMS cho cán bộ quản lý, giáo viên để bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn nghiệp vụ hằng năm theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm
79.	Triển khai phần mềm quản trị trường học phục vụ triển khai Học bạ số: Quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; xuất dữ liệu theo chuẩn quy định của Bộ GDĐT để cập nhật vào CSDL ngành phục vụ Học bạ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
80.	Xây dựng Hệ sinh thái tích hợp giữa công nghệ, nội dung học tập và chính sách quản lý. Xây dựng nền tảng xác thực danh tính giáo viên, học sinh; hỗ trợ đăng nhập hệ thống bằng VNeID (SSO); tích hợp học, thi quản lý thi, điểm, thời khóa biểu, văn bằng, thư viện số, kết nối phụ huynh - học sinh - nhà trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	2026 - 2030
81.	Triển khai hệ thống dạy trực tuyến LMS tại các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KH&CN, các đơn vị, trường học	Hàng năm
82.	Triển khai phần mềm quản lý kế hoạch, văn bản, giáo án, hồ sơ, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; xuất dữ liệu theo chuẩn Bộ GDĐT để cập nhật vào CSDL ngành phục vụ số hóa toàn bộ hồ sơ nhà trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị, trường học	Hàng năm
83.	Triển khai Đề án Chuyển đổi số trong hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030	Sở Ngoại vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030
84.	Triển khai Dự án Chuyển đổi số toàn diện Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030
85.	Xây dựng Phần mềm quản lý hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Quảng Trị	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
86.	Bảo tàng số giai đoạn 02	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	2026 - 2027

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
87.	Nâng cấp hệ thống quản lý thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
88.	Dự án triển khai hệ thống Wi-Fi chào mừng du khách đến tham quan du lịch và quảng bá tại các điểm du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	2026 - 2029
89.	Nền tảng quản trị dữ liệu quy hoạch, xây dựng thông minh	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
<b>VIII</b>	<b>Kinh tế số và xã hội số</b>			
90.	Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026 - 2030
91.	Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã. Các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 và thường xuyên
92.	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại cơ sở: Thường xuyên rà soát bổ sung, kiện toàn thành viên; tập huấn trang bị kiến thức và kỹ năng để các tổ chức này thực sự là cánh tay nối dài của chính quyền số	UBND cấp xã	Sở KH&CN, các tổ chức chính trị - xã hội.	Định kỳ hằng quý
93.	Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hội doanh nghiệp,	2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.		Liên minh hợp tác xã tỉnh	
94.	Hướng dẫn triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
95.	Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hội doanh nghiệp, Liên minh hợp tác xã tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026 - 2030
96.	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp công nghệ số	2026 - 2030
97.	Phát triển các hệ thống thông minh hỗ trợ, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số.	Các sở, ban, ngành	UBND cấp xã; các doanh nghiệp và người dân	2026 - 2030
<b>IX</b>	<b>Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin</b>			

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
98.	Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm trong nước, quốc tế về chuyển đổi số, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm trong nước, quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam, của tỉnh Quảng Trị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	2026 - 2030
99.	Ứng dụng các công cụ truyền thông đa nền tảng trong phát triển Chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của tỉnh Quảng Trị trên Cổng TTĐT tỉnh, các Trang TTĐT thành phần để đáp ứng tuyên truyền thông tin của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 - 2030
100.	Triển khai đẩy mạnh quảng bá phát triển Chuyển đổi số của tỉnh Quảng Trị trong nước và Quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp	2026 - 2030
101.	Tham gia hoạt động định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; các cơ chế, sáng kiến hợp tác về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp	2026 - 2030
102.	Phối hợp Tập đoàn Viettel, VNPT, FPT và các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ tổ chức các chiến dịch truyền thông, chương trình đào tạo kỹ năng số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức và người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp	2026 - 2030
103.	Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ chuyển đổi số: Cân đối và phân bổ kinh phí phục vụ số hóa, mua sắm trang thiết bị, đường truyền, đào tạo nhân lực, cải tạo nâng cấp hạ tầng số.	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở KH&CN	2026 và hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ/đề án/dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
104.	Dự phòng ngân sách cho các nhiệm vụ đột xuất về chuyển đổi số: Bảo đảm có khoản dự phòng ngân sách để chủ động xử lý tình huống phát sinh.	Sở Tài chính; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 và hàng năm
105.	Tổ chức báo cáo tiến độ định kỳ lên Trung ương, Tỉnh ủy: Tổng hợp báo cáo tiến độ theo tháng, cập nhật dữ liệu vào hệ thống Dashboard của Ban Chỉ đạo Trung ương; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Trước ngày 25 hàng tháng